TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **103/**2023/DS-PT
Ngày 23-6-2023
V/v:" Yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; tranh chấp tài sản gắn liền với đất; tranh chấp hợp đồng ủy quyền yêu cầu tuyên bố văn bản thỏa thuận chuyển quyền quản lý tài sản vô hiệu".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Viết Hùng
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nhân
Ông Lê Quang Ninh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyến - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 tháng 6 và ngày 23 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 202/2022/TLPT-DS ngày 27 tháng 12 năm 2022 về việc: "*Yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; tranh chấp tài sản gắn liền với đất; tranh chấp hợp đồng ủy quyền yêu cầu tuyên bố văn bản thỏa thuận chuyển quyền quản lý tài sản vô hiệu*". Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 38/2023/QĐXXPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn*: Bà Đỗ Thị L, sinh năm: 1982; Địa chỉ: Tổ 3, ấp T, xã Tân L, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Trần Đức L, sinh năm 1974; Địa chỉ: Tổ 3, ấp T, xã Tân L, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đỗ Thị L: Luật sư Dương Vinh T; Địa chỉ: Văn phòng luật sư D, đường N, tổ 3, khu phố 1, phường T, thành phố Đ.

**Bị đơn:* Ông Ma Khánh H, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Ma Khánh H: Luật sư Bùi Gia N; Địa chỉ: Văn phòng luật sư Bùi Gia N, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Đức L, sinh năm 1974; Địa chỉ: Tổ 03, ấp T, xã Tân L, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

2. Ông Trần Tấn M, sinh năm 1958 (Đã chết)

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Tấn M

2.1. Bà Bùi Thị Hồng V, sinh năm 1963 (Vợ ông M)

2.2. Bà Trần Hoàng Anh Th, sinh năm 1980 (Con ruột ông M)

2.3. Bà Trần Hoàng Hải Y, sinh năm 1982 (Con ruột ông M)

2.4. Bà Trần Hoàng Hồng D, sinh năm 1984 (Con ruột ông M)

2.5. Ông Trần Hoài T, sinh năm 1988 (Con ruột ông M)

Cùng cư trú: ấp M, xã Tân T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

(Bà V, bà Y, bà D, ông T ủy quyền cho bà Th theo giấy ủy quyền được công chứng ngày 16/5/2023 tại Văn phòng công chứng Lê Lan, địa chỉ số 1355, đường Phú Riềng Đỏ, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước)

3. Công ty cổ phần dịch vụ hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất (SASCO); Đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Thanh Th - Nhân viên phòng pháp chế của Công ty cổ phần dịch vụ hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất; Địa chỉ: Công ty SASCO, Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 02, quận Tân B, thành phố Hồ Chí Minh

4. Công ty TNHH Một thành viên Phát Lộc; Đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Gia N; Địa chỉ: Văn phòng Luật sư Bùi Gia N, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước

5. Hạt Kiểm Lâm huyện Đ, tỉnh Bình Phước; Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đức Tr; Địa chỉ: ĐT 741, khu phố T, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

6. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước; Địa chỉ: Khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

7. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước; Địa chỉ: Phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

8. Ông Hoàng Văn S, sinh năm 1963; Địa chỉ: Tổ 04, thôn 6, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

9. Ông Phạm Thanh H, sinh năm 1968; Địa chỉ: Tổ 01, ấp T, xã Tân L, huyện Đ, tỉnh Bình Phước

** Người kháng cáo*: Bị đơn ông Ma Khánh H (có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt ngày 21/3/2023) và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

Công ty TNHH MTV P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đỗ Thị L trình bày:

Bà Đỗ Thị L và ông Trần Đức L (Chồng bà L), quản lý, chăm sóc, sử dụng diện tích 4.4ha cao su (Gồm các phần diện tích 2.12 ha và 2.28 ha) tại khoảnh 11, tiểu khu 363, Ban quản lý rừng kinh tế Suối Nhung. Nguồn gốc diện tích đất nói trên xuất phát từ việc ông Trần Tấn M ký kết hợp đồng liên doanh trồng cây cao su dài ngày với bà L, thời hạn hợp đồng là 30 năm vào thời điểm năm 2011.

Từ thời điểm ký kết hợp đồng với ông Trần Tấn M, gia đình bà L đã đầu tư công sức và tiền bạc để chăm sóc bảo vệ vườn cây cao su. Sau thời gian chăm sóc diện tích đất cao su cho thu hoạch, gia đình bà L khai thác mủ cao su ổn định, không tranh chấp với ai.

Ngày 02/4/2017, gia đình bà L chuyển nhượng một phần thành quả lao động trên diện tích đất 2.28 ha cao su cho ông Nguyễn Anh Ch. Sau đó ông Ch quản lý, khai thác mủ cao su. Tuy nhiên, vào sáng ngày 09/7/2017, vườn cao su của ông Ch bị ông Ma Khánh H cắt dây cột kiềng, lấy hết kiềng, đập vỡ tô hứng mủ, rút lấy hết máng hứng mủ, không cho ông Ch cạo mủ cao su nữa. Ông Ch thấy không quản lý, khai thác mủ được nên đã trả lại diện tích đất cao su nói trên cho gia đình bà L.

Ngày 17/5/2017, gia đình bà L chuyển nhượng thành quả lao động là 1.6 ha của diện tích đất cao su nói trên cho ông Phan Khắc Hoài. Sau đó ông H quản lý, khai thác mủ nhưng đến ngày 06/7/2017, trong lúc ông H cạo mủ cao su thì có 06 người thanh niên (trong đó ông Ma Khánh H cầm đầu) cầm dao, rựa không cho ông H khai thác mủ. Đến ngày 07/7/2017, vườn cao su của ông H tiếp tục bị ông Ma Khánh H cắt dây cột kiềng, lấy hết máng kiềng, đập vỡ tô hứng mủ, rút lấy mất hết máng hứng mủ, không cho ông H cạo mủ cao su nữa. Do đó, ông H đã trả lại cho gia đình bà L diện tích cao su nói trên.

Kể từ thời điểm trên, gia đình bà L tiếp tục quản lý, khai thác mủ diện tích cao su nói trên. Từ tháng 7/2017 đến nay, ông Ma Khánh H liên tục dẫn theo người đến phá hoại vườn cao su của bà L bằng cách cắt vứt bỏ kiềng, máng, đập vỡ tô chén trên cây cao su của gia đình bà L, gia đình bà L cạo mủ nhưng ông Hoàng tự ý trút lấy mủ, tự ý đi đổ bỏ hết mủ ở trong tô xuống đất, tự ý lắp đặt kiềng máng, tô chén, cạo mủ trên diện tích cao su của gia đình bà L để đem bán, đánh đập bà L, đe dọa giết cả gia đình bà L, không cho gia đình bà L khai thác mủ nữa.

Từ khi nhận đất thông qua hợp đồng cho đến nay, gia đình bà L đã đầu tư rất nhiều công sức, tiền bạc vào vườn cao su nhằm mục đích kinh tế. Tuy nhiên, việc làm của ông Ma Khánh H gây ảnh hưởng đến việc quản lý, khai thác, gây thiệt hại rất lớn cho gia đình bà L, dù gia đình bà L đã nhiều lần tố giác hành vi

của ông Ma Khánh H đến Công an nhưng hành vi vi phạm pháp luật của ông Ma Khánh H vẫn chưa được Công an giải quyết để hạn chế thiệt hại cho gia đình bà L. Để giảm thiểu thiệt hại cũng như bão vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình bà L. Bà L yêu cầu Tòa án buộc ông Ma Khánh H phải thực hiện các yêu cầu sau:

1. Buộc ông Ma Khánh H chấm dứt hành vi đưa người đến để khai thác mủ cao su trái phép và cản trở việc quản lý, khai thác cao su của gia đình bà L tại phần diện tích đất 4.4 ha thuộc khoảnh 11, tiểu khu 363, Ban quản lý rừng kinh tế Suối Nhung;

2. Buộc ông Ma Khánh H chấm dứt hành vi hủy hoại tài sản là các dụng cụ khai thác cao su, mủ cao su thuộc khoảnh 11, tiểu khu 363, Ban quản lý rừng kinh tế Suối Nhung;

3.Yêu cầu ông Ma Khánh H bồi thường cho gia đình bà L số tiền 150.000.000đồng do ông Ma Khánh H có hành vi làm thiệt hại tài sản của gia đình bà L.

Tại các đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 13 tháng 7 năm 2020, ngày 27 tháng 8 năm 2020, nguyên đơn bà Đỗ Thị L bổ sung yêu cầu khởi kiện:

1. Đề nghị Tòa án công nhận bà Đỗ Thị L là người có quyền quản lý, khai thác, sử dụng 1.370 cây cao su được trồng trên diện tích đất 43.006,6m^2, tọa lạc tại ấp T, xã Tân L, huyện Đ, tỉnh Bình Phước;

2. Đề nghị tuyên Giấy ủy quyền ngày 13/6/2017 xác lập giữa ông Trần Tấn M và ông Ma Khánh H là vô hiệu;

3. Đề nghị tuyên Biên bản bàn giao ngày 09/8/2017 giữa ông Trần Tấn M với Công ty TNHHMTV Phát Lộc là vô hiệu.

Tại phiên tòa; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đỗ Thị L; người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị L xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đề ngày 24 tháng 12 năm 2019 và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện theo các đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 13 tháng 7 năm 2020, ngày 27 tháng 8 năm 2020; cụ thể là:

1. Đề nghị Tòa án công nhận bà Đỗ Thị L là người có quyền quản lý, khai thác, sử dụng 1.370 cây cao su được trồng trên diện tích đất 43.006,6m^2, tọa lạc tại ấp T, xã Tân L, huyện Đ, tỉnh Bình Phước;

2. Đề nghị tuyên Giấy ủy quyền ngày 13/6/2017 được xác lập giữa ông Trần Tấn M và ông Ma Khánh H là vô hiệu;

3. Đề nghị tuyên Biên bản bàn giao ngày 09/8/2017 giữa ông Trần Tấn M với Công ty TNHHMTV Phát Lộc là vô hiệu.

**Bị đơn ông Ma Khánh H trình bày:*

Ông Ma Khánh H không phải là nhân viên của Công ty P mà là người được Công ty P mướn để trông coi vườn cao su (diện tích đất 4.9 ha cao su đang có sự tranh chấp giữa bà Đỗ Thị L và ông Ma Khánh H tại ấp T, xã Tân L,

huyện Đ, tỉnh Bình Phước). Số cây cao su đang có sự tranh chấp nói trên không phải là tài sản của ông Ma Khánh H, ông Ma Khánh H không xác định được số cây cao su này là tài sản của ai nhưng đã thực hiện việc quản lý vườn cao su này từ ngày 13/6/2017; việc ông Ma Khánh H quản lý vườn cao su này là được sự ủy quyền bằng văn bản của ông Trần Tấn M và đã thực hiện khai thác (cạo mủ) vườn cao su này từ tháng 6 năm 2018.

Ông Ma Khánh H thực hiện khai thác (cạo mủ cao su) đối với số cây cao su trên là do Công ty P thuê, việc thuê mướn chỉ thực hiện bằng hợp đồng miệng, không có văn bản. Công ty P đưa cho ông Hoàng Biên bản bàn giao diện tích đất và cây cao su nói trên từ ông Trần Tấn M bàn giao cho Công ty P ngày 09/8/2017 nên ông mới thực hiện việc khai thác (Cạo mủ cao su) đối với số cây cao su này.

Ông Ma Khánh H khai thác mủ cao su cho Công ty P chứ không phải khai thác cho ông Hoàng, thực tế thì ông Hoàng chỉ làm mướn cho Công ty P rồi nhận tiền công. Ông Ma Khánh H đã chấm dứt hợp đồng với Công ty P từ ngày 30 tháng 6 năm 2020 nên không còn thực hiện việc cạo mủ cao su này nữa, khi nào Công ty P yêu cầu ông Hoàng vào bảo vệ, trông coi thì ông Hoàng mới vào.

Ông Ma Khánh H cho rằng, đây là tài sản của Công ty P nên ông Hoàng không có quyền quyết định, trong vụ án này ông Hoàng không liên quan gì vì ông Hoàng chỉ là người làm công ăn lương cho Công ty P nên ông Lý, bà L yêu cầu ông Hoàng không được trực tiếp hoặc chỉ đạo người khác thực hiện việc cạo mủ cao su đối với phần diện tich đất đang tranh chấp trong vụ án là không phù hợp với thực tế.

Bà Đỗ Thị L trình bày là hợp đồng trồng cây ăn chia với ông Trần Tấn M như thế nào thì ông Hoàng không được biết nên yêu cầu ông Lý, bà L không được thực hiện quyền khởi kiện đối với ông Hoàng. Nếu bà L, ông Lý muốn khởi kiện thì khởi kiện đối với ông Trần Tấn M.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Ma Khánh H không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn vì cho rằng: Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị không chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Việc nguyên đơn đề nghị công nhận bà Đỗ Thị L là người có quyền quản lý, khai thác, sử dụng 1.370 cây cao su được trồng trên diện tích đất 43.006,6m^2, tọa lạc tại ấp T, xã Tân L, huyện Đ, tỉnh Bình Phước là không có căn cứ vì phần diện tích đất và cây cao su trồng trên đất do SASCO giao cho Công ty TNHH MTV P chăm sóc, bảo quản. Trên thực tế, nguyên đơn cũng không xác định được vị trí diện tích đất 43.006,6m^2 thuộc khoảnh nào của tiểu khu 363.

Đối với đề nghị tuyên Giấy ủy quyền ngày 13/6/2017 giữa ông Trần Tấn M và ông Ma Khánh H và Biên bản bàn giao ngày 09/8/2017 giữa ông Trần Tấn M với Công ty TNHH MTV P vô hiệu là không có căn cứ vì 02 văn bản này không liên quan gì đến nguyên đơn mà là công việc nội bộ của ông Trần Tấn M

và ông Ma Khánh H; công việc nội bộ của ông Trần Tấn M với Công ty TNHHMTV Phát Lộc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Đức L trình bày:

Ngày 27/10/2011, ông Trần Tấn M ký hợp đồng liên doanh trồng cây cao su dài ngày với bà Đỗ Thị L (Vợ ông Lý), thời hạn hợp đồng là 30 năm, phần diện tích 2.12 ha và 2.28 ha, tại khoảnh 11, tiểu khu 363, Ban quản lý rừng kinh tế Suối Nhung. Từ thời điểm ký kết hợp đồng với ông Trần Tấn M, gia đình ông Lý đã đầu tư công sức và tiền bạc để chăm sóc, bảo vệ vườn cây cao su. Sau thời gian chăm sóc, diện tích đất cao su cho thu hoạch và gia đình bà L khai thác mủ cao su ổn định, không tranh chấp với ai.

Ngày 02/4/2017, gia đình ông Lý chuyển nhượng một phần thành quả lao động trên diện tích đất 2.28 ha cao su cho ông Nguyễn Anh Ch. Sau đó ông Ch quản lý, khai thác mủ cao su. Tuy nhiên, ngày 09/7/2017, vườn cao su của ông Ch bị ông Hoàng cắt dây cột kiềng, lấy mất hết kiềng, đập vỡ tô hứng mủ, rút lấy mất hết máng hứng mủ, không cho ông Ch cạo mủ cao su. Do ông Ch không quản lý, khai thác mủ được nên đã trả lại diện tích đất cao su nói trên cho gia đình ông Lý. Gia đình ông Lý đã hoàn trả số tiền sang nhượng cho ông Ch và trả thêm cho ông Ch số tiền đầu tư vào vườn cao su là 37.000.000 đồng.

Ngày 17/5/2017, gia đình ông Lý, bà L chuyển nhượng thành quả lao động là 1.6 ha của diện tích đất cao su nói trên cho ông phan Khắc Hoài. Sau đó ông H quản lý, khai thác mủ nhưng đến ngày 06/7/2017, trong lúc ông H cạo mủ cao su thì có 06 người thanh niên (Trong đó ông Ma Khánh H cầm đầu) cầm dao, rựa không cho ông H khai thác mủ. Đến ngày 07/7/2017, vườn cao su của ông H tiếp tục bị ông Ma Khánh H cắt dây cột kiềng, lấy hết máng kiềng, đập vỡ tô hứng mủ, rút lấy mất hết máng hứng mủ, không cho ông H cạo mủ cao su. Do đó, ông H đã trả lại cho gia đình bà L diện tích cao su nói trên. Kể từ thời điểm trên, gia đình bà L tiếp tục quản lý, khai thác mủ diện tích cao su nói trên.

Từ ngày 7/7 đến ngày 04/10/2017, băng nhóm của ông Ma Khánh H liên tiếp có hành vi phá hoại, cướp đoạt tài sản của gia đình ông Lý trên phần diện tích đất 1.6ha có trồng 800 cây cao su và phần diện tích đất 2.28ha có trồng 600 cây cao su, gia đình ông Lý đã báo với cơ quan chức năng. Từ ngày 7/7 đến ngày 20/9/2017, gia đình ông Lý bỏ tiền ra mua vật tư và các chi phí khác là 21.000.000 đồng.

Từ ngày 24/9 đến ngày 04/10/2017, băng nhóm của Ma Khánh H có hành vi phá hoại, cướp đoạt tài sản của gia đình ông Lý trên phần diện tích đất trồng cây cao su nói trên, gây thiệt hại là 5.960.000 đồng

Từ ngày 03/11/2017 đến ngày 18/01/2018, băng nhóm của ông Ma Khánh H có hành vi phá hoại, cướp đoạt tài sản của gia đình ông Lý trên phần diện tích đất trồng cây cao su nói trên, gây thiệt hại là 18.580.000 đồng.

Từ ngày 25/4/2018 đến ngày 18/01/2020 (02 năm), ông Ma Khánh H có hành vi phá hoại, cướp đoạt tài sản của gia đình ông Lý trên phần diện tích đất trồng cây cao su nói trên, gây thiệt hại là 160.000.000đồng. Gây thiệt hại tuổi

thọ của cây trồng là 20.000.000đồng. Thiệt hại tổn thất tinh thần đối với gia đình ông Lý là 20.000.000 đồng. Tổng thiệt hại từ ngày 25/4/2018 đến ngày 18/01/2020 là 245.540.000 đồng.

Nay ông Trần Đức L yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông Ma Khánh H chấm dứt hành vi đưa người đến để khai thác mủ cao su trái phép và cản trở việc quản lý, khai thác cao su của gia đình bà L tại phần diện tích đất 4.4 ha thuộc khoảnh 11, tiểu khu 363, Ban quản lý rừng kinh tế Suối Nhung;

2. Buộc ông Ma Khánh H chấm dứt hành vi hủy hoại tài sản là các dụng cụ khai thác cao su, mủ cao su thuộc khoảnh 11, tiểu khu 363, Ban quản lý rừng kinh tế Suối Nhung;

3.Yêu cầu ông Ma Khánh H bồi thường cho gia đình bà L số tiền 245.540.000 đồng do ông Ma Khánh H có hành vi làm thiệt hại tài sản của gia đình bà L.

Tại bản tự khai đề ngày 16 tháng 10 năm 2020, ông Trần Đức L yêu cầu:

1. Đề nghị Tòa án công nhận bà Đỗ Thị L là người có quyền quản lý, khai thác, sử dụng 1.370 cây cao su được trồng trên diện tích đất 43.006,6m^2, tọa lạc tại ấp T, xã Tân L, huyện Đ, tỉnh Bình Phước;

2. Đề nghị tuyên Giấy ủy quyền ngày 13/6/2017 giữa ông Trần Tấn M và ông Ma Khánh H là vô hiệu;

3. Đề nghị tuyên Biên bản bàn giao ngày 09/8/2017 giữa ông Trần Tấn M với Công ty TNHH MTV P vô hiệu.

Tại phiên tòa sơ thẩm; ông Trần Đức L xin rút toàn bộ yêu cầu tại bản tự khai đề ngày 20 tháng 3 năm 2020 và giữ nguyên yêu cầu tại bản tự khai đề ngày 16 tháng 10 năm 2020. Ngoài ra, không còn có yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH MTV P trình bày:

Năm 2009, ông Trần Tấn M (Đã chết năm 2019) là Giám đốc Ban quản lý rừng kinh tế Suối Nhung (Nay là Nông lâm trường Tân Lập trực thuộc Công ty TNHH MTV cao su Bình Phước) ký hợp đồng liên doanh với SASCO để trồng cao su theo chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước duyệt cho SASCO (SASCO được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước cho phép lập dự án trồng cây cao su tại Ban quản lý rừng kinh tế Suối Nhung thuộc khoảnh 11, tiểu khu 360, Ban quản lý rừng kinh tế Suối Nhung).

Cùng năm 2009, ông Hoàng Văn S lấn chiếm 2.5ha đất tại khoảnh 11, tiểu khu 360, Ban quản lý rừng kinh tế Suối Nhung để trồng cao su.

Cùng năm 2009, ông Phan Thanh Hùng lấn chiếm 2.4ha đất tại khoảnh 11, tiểu khu 360, Ban quản lý rừng kinh tế Suối Nhung để trồng cao su.

Tổng diện tích đất lấn chiếm và trồng cao su của ông Sinh, ông Hùng là 4.9ha.

Năm 2011, Ban quản lý rừng kinh tế Suối Nhung phát hiện ông Sinh, ông Hùng lấn chiếm 4.9ha trồng cao su thuộc khu đất liên doanh trồng cao su với SASCO nên ông Trần Tấn M (Đại diện cho Ban quản lý rừng kinh tế Suối Nhung) và SASCO đàm phán, thỏa thuận với ông Sinh, ông Hùng trả lại đất và nhận tiền bồi thường, hỗ trợ giá trị đầu tư trên đất. Ngày 12/9/2022, ông Sinh, ông Hùng có đơn xin trả lại đất và xin hỗ trợ tiền cây giống.

Ngày 14/11/2011, ông M đã chi trả hỗ trợ cho ông Sinh 105.150.000đồng (Trong đó có 7.500.000 đồng hỗ trợ nhà tạm, còn các khoản khác là 97.650.000 đồng); chi trả cho ông Hùng 97.744.000 đồng (Trong đó có 4.000.000 đồng hỗ trợ nhà tạm, còn các khoản khác là 93.650.000 đồng).

Năm 2015, Công ty TNHH MTV P hợp tác đầu tư với SASCO và được SASCO ủy quyền trong việc phát dọn, khai hoang, bỏ tiền bồi thường, hỗ trợ cho những hộ dân lấn chiếm nhưng đã trồng cây cao su trên đất. Đối với khoản tiền mà ông M đã chi trả cho ông Sinh, ông Hùng thì Công ty TNHH MTV P hoàn trả lại cho ông M (Công ty TNHH MTV P đã trả), đồng thời SASCO và Ban quản lý rừng kinh tế Suối Nhung sẽ giao cho Công ty TNHH MTV P được sở hữu, khai thác mủ của toàn bộ 4.9ha cao su mà ông Sinh, ông Hùng lấn chiếm.

Ngày 09/8/2017, Công ty TNHH MTV P (Đại diện là ông Nguyễn Hữu Hiền – Phó Giám đốc) là đơn vị được SASCO ủy quyền và Ban quản lý rừng kinh tế Suối Nhung (Đại diện ông Trần Tấn M – Giám đốc) lập Biên bản bàn giao diện tích đất 4.9ha cây cao su. Theo đó, Công ty TNHH MTV P nhận, chăm sóc và toàn quyền sử dụng 4.9ha cây cao su.

Trong thời gian Công ty TNHH MTV P quản lý, bảo vệ, chăm sóc và khai thác 4.9 ha cây cao su nêu trên thì ông Trần Đức L thường xuyên có hành vi cản trở, xâm phạm trái pháp luật đến 4.9 ha cây cao su và có hành vi xúc phạm đến danh dự, uy tín ông Nguyễn Hữu Hiền.

Việc hợp tác đầu tư giữa Công ty TNHH MTV P với SASCO và Ban quản lý rừng kinh tế Suối Nhung (Nay là Nông lâm trường Tân Lập – Công ty TNHH MTV cao su Bình Phước) đối với 4.9 ha đất tại khoảnh 11, tiểu khu 360, theo Biên bản bàn giao ngày 09/8/2017 giữa ông Trần Tấn M (Giám đốc Ban quản lý rừng kinh tế Suối Nhung) và ông Nguyễn Hữu Hiền (Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV P) là phù hợp với quy định của pháp luật. Ông Trần Đức L không có quyền, nghĩa vụ liên quan đối với diện tích cây cao su này nhưng có hành vi xâm phạm, cản trở đối với việc chăm sóc, bảo vệ, khai thác là xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH MTV P.

Công ty TNHH MTV P yêu cầu buộc ông Trần Đức L chấm dứt hành vi xâm phạm đến quyền quản lý, bảo vệ, chăm sóc và khai thác đối với 4.9 ha cây cao su tại khoảnh 11, tiểu khu 360, Ban quản lý rừng kinh tế Suối Nhung mà Công ty TNHH MTV P đã nhận bàn giao theo Biên bản bàn giao ngày 09/8/2017.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH MTV P xin rút toàn bộ yêu cầu theo đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Công ty TNHH MTV P.

-Tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần dịch vụ hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất (Người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Hiện nay, Công ty cổ phần dịch vụ hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất chưa nắm rõ phần diện tích đất 43.006,6m^2 và tài sản gắn liền với đất là 1.369 cây cao su đang có sự tranh chấp trong vụ án nên không có ý kiến. Tuy nhiên, Công ty cổ phần dịch vụ hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất không ủy quyền cho bất kỳ một cơ quan, tổ chức hay cá nhân nào thực hiện việc thu hồi và đền bù tài sản đối với 1.369 cây cao su trồng trên tổng diện tích đất 43.006,6m^2 nói trên. Đối với yêu cầu của các bên, Công ty cổ phần dịch vụ hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất không có ý kiến và yêu cầu vụ việc được giải quyết theo quy định của pháp luật.

-Tại Công văn số 94/HKL-QL BVR ngày 11/5/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Hạt Kiểm lâm huyện Đ trình bày:

Căn cứ vào bản đồ đất liên doanh trồng cây cao su giữa ông Trần Tấn M và bà Đỗ Thị L (Kèm theo hợp đồng liên doanh trồng cây cao su dài ngày đề ngày 26/10/2011), Hạt Kiểm lâm huyện Đ tiến hành số hóa (phục hồi) lại bản đồ bằng phần mềm Lapinfo và đối chiếu với nền bản đồ hệ tọa độ UMT tại khu vực xã Tân Lợi, kết quả thu được;

-Diện tích 2.12ha; gồm 0,39ha thuộc khoảnh 11, tiểu khu 363, 1,73ha thuộc khoảnh 7, tiểu khu 363; hiện trạng là rừng tự nhiên.

-Diện tích 2.28ha thuộc khoảnh 7, tiểu khu 363; hiện trạng toàn bộ diện tích là rừng tự nhiên.

Việc bà Đỗ Thị L và ông Trần Tấn M hợp đồng liên doanh trồng cây cao su trên phần đất có diện tích 2.12ha và 2.28ha tại khoảnh 11, tiểu khu 363 Ban quản lý Rừng kinh tế Suối Nhung là do tự ý cá nhân ông M và bà L hợp đồng không thông qua cơ quan Hạt Kiểm Lâm huyện Đ, do đó Hạt Kiểm Lâm huyện Đ không biết và không có ý kiến.

Hợp đồng liên doanh trồng cây cao su dài ngày đề ngày 27/10/2011 giữa ông Trần Tấn M và bà Đỗ Thị L kèm theo sơ đồ đo đạc, Hạt Kiểm Lâm huyện Đ không quản lý và cũng không có hồ sơ nhận bàn giao từ Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước theo Quyết định số 1268/QĐ-UBND ngày 20/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt phương án bàn giao diện tích rừng và đất lâm nghiệp tại Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước về Hạt Kiểm Lâm huyện Đ quản lý

Tại Công văn số 115/HKL ngày 91/7/2020, Hạt Kiểm lâm huyện Đ trình bày:

Đất rừng sản xuất (Rừng trồng cây cao su) của dự án Công ty Sasco nằm trong tổng diện tích rừng sản xuất và đất quy hoạch lâm nghiệp mà Công ty TNHH MTV cao su Bình Phước bàn giao ngày 09/9/2019 về Hạt Kiểm lâm huyện Đ quản lý Nhà nước (Việc bàn giao thực hiện theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước tại Quyết định số 1268/QĐ-UBND ngày 20/6/2019).

Diện tích đất 2.12ha tại Công văn số 94/HKL-QLBVR ngày 115/2020 của Hạt Kiểm lâm huyện Đ cung cấp nằm trong tổng diện tích đất hiện nay Hạt Kiểm lâm huyện Đ (Với vai trò đơn vị chủ rừng) quản lý Nhà nước.

Xử lý tài sản đầu tư trên đất rừng sản xuất (Rừng trồng trên diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp) đối với những tổ chức, cá nhân được cơ quan Nhà nước giao đất để trồng rừng, giao khoán đất để trồng rừng hoặc giao tài sản trên đất thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân đầu tư vốn, họ tự quyết định và định đoạt tài sản đã đầu tư trên đất.

Tại phiên tòa, đại diện Hạt Kiểm Lâm huyện Đ đề nghị vụ án được giải quyết theo quy định của pháp luật.

-Tại biên bản hòa giải ngày 26 tháng 5 năm 2022, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày:

Trên cơ sở tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, Ủy ban nhân dân huyện Đ đề nghị vụ việc được giải quyết theo quy định của pháp luật.

-Tại biên bản ghi lời khai ngày 25 tháng 5 năm 2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn S trình bày:

Năm 2009, ông Hoàng Văn S nhận chuyển nhượng phần đất có diện tích 2.28ha từ ông Bùi Đình Duy (Không nhớ rõ năm sinh – là nhân viên của Công ty cổ phần dịch vụ hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất) với giá là 135.000.000đồng, khi nhận chuyển nhượng thì trền đất đã có trồng khoảng 1.000 cây cao su trồng năm 2008, 2009. Năm 2011, khi biết được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước có chủ trương giao phần diện tích đất này cho Công ty cổ phần dịch vụ hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất thì ông Hoàng Văn S chuyển nhượng phần diện tích đất này cùng cây cao su cho ông Trần Tấn M – Giám đốc Ban quản lý rừng kinh tế Suối Nhung và đã nhận từ ông Trần Tấn M số tiền 96.000.000đồng. Ông Hoàng Văn S không có yêu cầu gì trong vụ án này.

-Tại biên bản ghi lời khai ngày 25 tháng 5 năm 2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Thanh H trình bày:

Năm 2011, ông Hùng nhận chuyển nhượng đất từ một người tên Cử (Không nhớ rõ họ tên và không xác định diện tích đất cụ thể) với giá là 60.000.000 đồng và trồng 1.200 cây cao su. Khi biết được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước có chủ trương giao phần diện tích đất này cho Công ty cổ phần dịch vụ hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất thì ông Phạm Thanh H đã giao lại phần diện tích đất này cùng cây cao su cho Công ty cổ phần dịch vụ hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất (Người trực tiếp nhận đất và cây cao su là ông Trần Tấn M –

Giám đốc Ban quản lý rừng kinh tế Suối Nhung) và đã nhận từ Công ty cổ phần dịch vụ hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất số tiền bồi thường là hơn 100.000.000 đồng (Vì lâu quá không nhớ chính xác). Ông Phạm Thanh H không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/4/2023 và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Đức Tiến trình bày:

Ông T và ông M quen biết nhau trên phương diện hợp đồng kinh tế ngày 08/10/2009. Ông T và ông M hợp tác trồng cao su, bên Ông T bỏ toàn bộ chi phí ra trồng cao su trên diện tích 14,3ha, sau 5 năm hai bên mới chia thành quả lao động (14,3ha nằm trong dự án 143 của Công ty cao su SASCo Sân Bay Tân Sơn Nhất) do ông M lừa Ông T nhận toàn bộ thành quả lao động của 14,3ha nên Ông T mới đòi tiền ông M thì ông M dẫn Ông T đến Công ty P trả tiền dùm cho ông M được 03 lần đối với diện tích 14,3ha: Lần 1 ngày 01/8/2015 trả 125.000.000 đồng; lần 2 ngày 15/8/2015 trả tiếp 50.000.000 đồng; lần 3 ngày 04/9/2015 trả tiếp 250.000.000 đồng do các giấy nhận tiền phía Công ty P giữ nên việc viết thêm vào giấy nhận tiền lần 3 ngày 04/9/2015 Ông T hoàn toàn không biết.

Ông T được biết mối quan hệ giữa ông M với ông Lý, bà L cũng giống như ông là hợp đồng giao trồng cây chăm sóc sau đó chia thành quả để người nhận hợp đồng bỏ tiền ra chăm sóc sau đó ông M bán lại cho người khác dẫn đến tranh chấp các bên. Ông T chỉ biết đến đây thôi còn sâu xa hơn, chi tiết hơn thì ông không biết. Đối với mối quan hệ giữa ông M với Công ty P như thế nào thì Ông T không biết, ông chỉ biết ông M nhờ Công ty P trả tiền cho ông đã đầu tư trên 14,3ha ông M đã nhận tiền đền bù của Công ty SASCo và hiện nay ông M vẫn còn nợ ông khoảng hơn 300.000.000 đồng do ông M đã chết không có ai thừa kế nên ông không thể kiện.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/5/2023 và tại phiên tòa phúc thẩm những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Tấn M gồm bà Bùi Thị Hồng V, bà Trần Hoàng Anh Th, bà Trần Hoàng Hải Y, bà Trần Hoàng Hồng D, ông Trần Hoài T cùng thống nhất trình bày:

Quá trình Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết vụ án bà Vân và các con không được biết. Sau khi xem xét nội dung bản án sơ thẩm cũng như các tài liệu Tòa án cung cấp (hợp đồng giữa bà L với ông M; các khoản nợ của Công ty P gồm 03 khoản vay) gia đình bà Vân có ý kiến như sau:

Về tố tụng gia đình bà chỉ là người liên quan trong vụ án cho nên chưa nắm rõ các tình tiết của vụ án nên không có ý kiến gì.

Đối với khoản nợ của Công ty P (03 khoản) trong đó có một tờ giấy có chữ viết tên Trần Tấn M (giấy nhận tiền ngày 04/9/2015) thể hiện nội dung không rõ ràng về việc vay nợ cũng như việc sang nhượng 06ha cao su. Đề nghị Tòa án giải quyết riêng giữa Công ty P với gia đình sau này.

Đối với hợp đồng về việc liên doanh trồng cây cao su dài ngày giữa ông Trần Tấn M với bà Đỗ Thị L ngày 27/10/2011 hợp đồng này giữa ông M và bà

L chưa được giải quyết dứt điểm (thanh lý hợp đồng) gia đình bà sẽ khởi kiện bà L, ông Lý thành một vụ kiện khác khi có yêu cầu.

Đối với vụ kiện giữa bà L với ông Ma Khánh H và Công ty P đề nghị Tòa án xem xét hai ý kiến gia đình đã nêu trên để giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra không có ý kiến trình bày gì thêm.

Tại Bản án số 24/2022/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

Áp dụng các khoản 2, 3, 6 và 14 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, 3 Điều 36; các điểm a. c khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 116, 123, 131, 133, 189, 191, 562 và 563 của Bộ luật dân sự; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Đỗ Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Đức L.

- Tạm giao cho bà Đỗ Thị L và ông Trần Đức L được tạm thời quản lý, sử dụng và khai thác mủ của 796 cây cao su, trồng năm 2009, trên phần diện tích đất 15.755,2m^2, tọa lạc tại ấp T, xã Tân L, huyện Đ, tỉnh Bình Phước, vị trí đất được xác định: Phía đông giáp đất ông Trần Đức L, phía tây giáp suối, phía nam giáp suối, phía bắc giáp suối + đất ông Đắc (Thuộc khoảnh 11, tiểu khu 363, Ban quản lý rừng kinh tế Suối Nhung).

- Tạm giao cho bà Đỗ Thị L và ông Trần Đức L được tạm thời quản lý, sử dụng và khai thác mủ của 600 cây cao su, trồng năm 2009 trên phần diện tích đất 27.251,4m^2, tọa lạc tại ấp T, xã Tân L, huyện Đ, tỉnh Bình Phước, vị trí đất được xác định: phía đông, phía tây, phía bắc giáp Suối, phía nam giáp đất ông Đức (Thuộc khoảnh 11, tiểu khu 363, Ban quản lý rừng kinh tế Suối Nhung).

- Khi nào có Quyết định thu hồi của cơ quan chức năng, bà Đỗ Thị L và ông Trần Đức L có nghĩa vụ giao trả cây cao su nói trên theo quy định.

- Tuyên bố Giấy ủy quyền được xác lập ngày 13/6/2017 giữa ông Trần Tấn M và ông Ma Khánh H là vô hiệu.

- Tuyên bố Biên bản bàn giao được xác lập ngày 09/8/2017 giữa Công ty TNHH MTV P và ông Trần Tấn M là vô hiệu.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị L và ông Trần Đức L về việc:

- Yêu cầu buộc ông Ma Khánh H chấm dứt hành vi đưa người đến để khai thác mủ cao su trái phép và cản trở việc quản lý, khai thác cao su của gia đình bà L tại phần diện tích đất 4.4 ha thuộc khoảnh 11, tiểu khu 363, Ban quản lý rừng kinh tế Suối Nhung;

- Yêu cầu buộc ông Ma Khánh H chấm dứt hành vi hủy hoại tài sản là các dụng cụ khai thác cao su, mủ cao su thuộc khoảnh 11, tiểu khu 363, Ban quản lý rừng kinh tế Suối Nhung;

- Yêu cầu buộc ông Ma Khánh H bồi thường cho gia đình bà L số tiền 150.000.000đồng do ông Ma Khánh H có hành vi làm thiệt hại tài sản của gia đình bà L.

3. Bác yêu cầu của Công ty TNHH MTV P về việc không đồng ý yêu cầu xin rút một phần khởi kiện của bà Đỗ Thị L và ông Trần Đức L.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV P về việc xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đề ngày 29 tháng 5 năm 2020.

5. Công ty cổ phần dịch vụ hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất, Hạt Kiểm lâm huyện Đ, Ủy ban nhân dân huyện Đ, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước, ông Ma Khánh H, ông Hoàng Văn S, ông Phạm Thanh H và các ông (bà) Bùi Thị Hồng V, Trần Hoàng Anh Th, Trần Hoàng Hải Y, Trần Hoàng Hồng D, Trần Hoài T **(***Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Tấn M)* không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

6. Không xem xét, giải quyết việc chi trả tiền hỗ trợ, đền bù cây cao su cho ông Hoàng Văn S, ông Phạm Thanh H.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 09/9/2022 bị đơn ông Ma Khánh H có đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm trên, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Ngày 09/9/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV P có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Ma Khánh H có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Ma Khánh H: Luật sư Bùi Gia N từ chối việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đối với ông Hoàng.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty P - ông Bùi Gia N thay đổi yêu cầu kháng cáo đề nghị HĐXX hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước về nội dung vụ án do Tòa cấp sơ thẩm chưa xem xét giải quyết triệt để vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Trần Đức L và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đỗ Thị L: Luật sư Dương Vĩnh Tuyến đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Ý kiến của Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên toà:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Ma Khánh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty P; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan làm trong thời hạn luật định, có hình thức, nội dung và phạm vi kháng cáo phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của BLTTDS năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, thấy rằng:

Nguyên đơn bà Đỗ Thị L yêu cầu công nhận bà Đỗ Thị L là người có quyền quản lý, sử dụng, khai thác đối với 1.369 cây cao su được trồng trên diện tích đất 43.006,6m^2, tại ấp T, xã Tân L, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (Thuộc khoảnh 11, tiểu khu 363, Ban quản lý rừng kinh tế Suối Nhung), HĐXX xét thấy:

[2.1] Số lượng 796 cây cao su, trồng năm 2009 trên phần diện tích đất 15.755,2m^2, tọa lạc tại ấp T, xã Tân L, huyện Đ, tỉnh Bình Phước, vị trí đất được xác định: Phía đông giáp đất ông Trần Đức L, phía tây và phía nam giáp suối, phía bắc giáp suối + đất ông Đắc; Theo kết quả đo đạc ngày 27/5/2020 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Bình Phước thực hiện xác định phần diện tích đất này thuộc khoảnh 11, tiểu khu 363, Ban quản lý rừng kinh tế Suối Nhung. (Trong đó có 750 cây cao su đang khai thác, 19 cây cao su chưa khai thác), có nguồn gốc là do ông Phạm Thanh H đầu tư trồng. Ngày 12/9/2011, ông Phạm Thanh H trả lại diện tích đất và cây cao su được trồng trên đất và nhận tiền đền bù cây trồng trên đất với tổng số tiền là 97.744.000 đồng, người trực tiếp nhận diện tích đất và cây cao su được trồng trên đất là ông Trần Tấn M (Đại diện ban quản lý rừng kinh tế Suối Nhung);

Số lượng 600 cây cao su, trồng năm 2009 trên phần diện tích đất 27.251,4m^2, tọa lạc tại ấp T, xã Tân L, huyện Đ, tỉnh Bình Phước, vị trí đất được xác định: phía đông, phía tây, phía bắc giáp Suối, phía nam giáp đất ông Đức, theo kết quả đo đạc ngày 27/5/2020 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Bình Phước thực hiện xác định phần diện tích đất này thuộc khoảnh 11, tiểu khu 363, Ban quản lý rừng kinh tế Suối Nhung, (Trong đó có 550 cây cao su đang khai thác, 50 cây cao su chưa khai thác), có nguồn gốc là

do ông Hoàng Văn S đầu tư trồng. Ngày 12/9/2011, ông Hoàng Văn S trả lại diện tích đất và cây cao su được trồng trên đất và nhận tiền đền bù cây trồng trên đất với tổng số tiền là 105.150.000đồng (Bút lục số 69 và 70), người trực tiếp nhận diện tích đất và cây cao su được trồng trên đất là ông Trần Tấn M (Đại diện ban quản lý rừng kinh tế Suối Nhung).

Ngày 27/10/2011, ông Trần Tấn M và bà Đỗ Thị L lập Hợp đồng liên doanh trồng cây cao su đối với 02 phần diện tích đất nói trên và giao cho bà L chăm sóc, quản lý cây cao su từ ngày 27/10/2011 (Ngày lập hợp đồng). Đến ngày 30/9/2014, gia đình bà L có đơn xin trả lại đất và cao su trồng trên đất của phần diện tích đất nói trên để nhận tiền đền bù cây trồng trên đất nhưng Công ty cổ phần dịch vụ hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất không nhận đất và cây trồng trên đất theo đơn xin trả lại đất và cao su trồng trên đất của bà Đỗ Thị L. Từ năm 2014 đến ngày 06/7/2017, gia đình bà Đỗ Thị L vẫn quản lý, chăm sóc đối với 1.369 cây cao su được trồng trên diện tích đất 43.006,6m^2 nói trên. Ngày 07/7/0217, ông Ma Khánh H (Người làm công cho Công ty TNHH MTV P) vào chiếm vườn cao su và quản lý, khai thác đến ngày 07 tháng 7 năm 2020 thì giao lại cho gia đình bà L quản lý (Việc quản lý, khai thác vườn cây cao su của ông Ma Khánh H là không có căn cứ).

Mặt khác, theo hợp đồng dịch vụ số 148-HĐ/TCTCHKVN-SASCO ngày 21/4/2014 thì Công ty cổ phần dịch vụ hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất (Gọi là bên A) là đơn vị cần tư vấn và Công ty TNHH MTV P (Bên B) là đơn vị tư vấn, chuyên trồng và chăm sóc cây cao su đồng ý tư vấn cho bên A về đánh giá chất lượng chăm sóc vườn cây cao su trong năm 2013, thời hạn đến hết ngày 31/5/2014, chứ không phải giao cho Công ty TNHH MTV P (Bên B) trực tiếp chăm sóc, quản lý, khai thác vườn cây cao su tại khoảnh 11, tiểu khu nói trên. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần dịch vụ hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất khẳng định, Công ty cổ phần dịch vụ hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất không ủy quyền cho bất kỳ một cơ quan, tổ chức, cá nhân nào thực hiện việc thu hồi và đền bù đối với 1.369 cây cao su trồng trên tổng diện tích đất 43.007,6m^2 thuộc khoảnh 11, tiểu khu 363 nói trên. Công ty cũng chưa nắm rõ phần diện tích đất 43.007,6m^2 và tài sản gắn liền với đất là 1.369 cây cao su đang có sự tranh chấp trong vụ án thuộc vị trí nào trong phần đất được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước giao khoán nên chưa có kế hoạch thu hồi, đền bù. Việc Công ty TNHH MTV P và ông Trần Tấn M lập Biên bản bàn giao ngày 09/8/2017 là không phù hợp, vì trên thực tế đơn vị được SASCO không ủy quyền cho Công ty TNHH MTV P xác lập Biên bản này.

Như vậy có căn cứ xác định, số lượng 1.369 cây cao su được trồng năm 2009, trên diện tích đất 43.006,6m^2, tại ấp T, xã Tân L, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (Thuộc khoảnh 11, tiểu khu 363, Ban quản lý rừng kinh tế Suối Nhung) do gia đình bà Đỗ Thị L đầu tư, chăm sóc, bảo quản, thu hoạch từ năm 2011 đến nay. Công ty cổ phần dịch vụ hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất chưa có kế hoạch thu hồi, đền bù. Để đảm bảo cho việc chăm sóc, bảo quản, tài sản, đầu tư, khai thác của 1.369 cây cao su được trồng năm 2009 nói trên không bị gián đoạn.

Xét thấy, cần tạm giao cho bà Đỗ Thị L tiếp tục tạm quyền quản lý, khai thác, sử dụng là phù hợp, khi nào có Quyết định thu hồi của cơ quan chức năng, bà Đỗ Thị L có nghĩa vụ giao trả theo quy định. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu công nhận cho bà Đỗ Thị L là người tạm quyền quản lý, khai thác, sử dụng 1.369 cây cao su được trồng trên diện tích đất 43.006,6m^2, tọa lạc tại ấp T, xã Tân L, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (Thuộc khoảnh 11, tiểu khu 363, Ban quản lý rừng kinh tế Suối Nhung) là có căn cứ nên được chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV P không đồng ý với yêu cầu này của nguyên đơn nhưng không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh nên không được chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu tuyên Giấy ủy quyền được xác lập ngày 13/6/2017 giữa ông Trần Tấn M và ông Ma Khánh H là vô hiệu. Thấy rằng: Theo các tài liệu chứng cứ do các bên đương sự cung cấp được có tại hồ sơ vụ án, giấy ủy quyền ngày 13/6/2017 được xác lập giữa ông Trần Tấn M và ông Ma Khánh H là bản phô tô (do ông Ma Khánh H giao nộp) nhưng đã được đối chiếu với bản chính nên được xem là tài liệu, chứng cứ và là đối tượng giải quyết của vụ án.

Như đã nhận định tại mục [2.1], người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần dịch vụ hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất khẳng định Công ty cổ phần dịch vụ hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất không ủy quyền cho bất kỳ một cơ quan, tổ chức, cá nhân nào thực hiện việc thu hồi và đền bù đối với 1.369 cây cao su trồng trên tổng diện tích đất 43.007,6m^2 nói trên. Theo hợp đồng liên doanh trồng cây cao su được xác lập giữa ông Trần Tấn M và bà Đỗ Thị L ngày 27/10/2011 thì từ ngày 27/10/2011, ông Trần Tấn M đã bàn giao cho bà Đỗ Thị L đầu tư, chăm sóc, bảo quản 1.369 cây cao su trồng trên tổng diện tích đất 43.007,6m^2 nói trên. Ông Trần Tấn M căn cứ vào biên bản hỗ trợ đất và cây cao su đối với ông Hoàng Văn S, ông Phạm Thanh H để ủy quyền cho ông Ma Khánh H thay mặt ông Trần Tấn M quản lý chăm sóc vườn cây cao su trồng trên 4,9ha tại khoảnh 11, tiểu khu 363 chờ bàn giao cho Công ty Sasco là không đúng. Tại thời điểm ủy quyền, ông Trần Tấn M không phải là người trực tiếp quản lý, chăm sóc, bảo quản 1.369 cây cao su trồng trên tổng diện tích đất 43.006,6m^2 nói trên mà người trực tiếp quản lý, chăm sóc, bảo quản là bà Đỗ Thị L.

Theo quy định tại Điều 563 của Bộ luật dân sự quy định "*Thời hạn ủy quyền do các bên thỏa thuận hoặc do pháp luật quy định; nếu không có thỏa thuận và pháp luật không có quy định thì hợp đồng ủy quyền có hiệu lực 01 năm, kể từ ngày xác lập việc ủy quyền*"; Tại giấy ủy quyền ngày 13/6/2017 không xác định thời hạn ủy quyền nên đến thời điểm nguyên đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng này vô hiệu đã quá 01 năm, kể từ ngày xác lập việc ủy quyền. Vì vậy, giấy ủy quyền do ông Trần Tấn M xác lập ngày 13/6/2017 đến nay không còn hiệu lực. Tuy nhiên, để giải quyết triệt để các tranh chấp trong vụ án, tránh việc ông Ma Khánh H tự ý vào quản lý, chăm sóc, bảo quản, khai thác mủ của

1.369 cây cao su nói trên dẫn đến tranh chấp không đáng có nên cần tuyên bố Giấy ủy quyền do ông Trần Tấn M xác lập ngày 13/6/2017 là vô hiệu. Vì vậy, bà Đỗ Thị L yêu cầu tuyên Giấy ủy quyền ngày 13/6/2017 giữa ông Trần Tấn M và ông Ma Khánh H vô hiệu là có căn cứ nên được chấp nhận.

Hơn nữa, tại đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt ngày 21/3/2923 thì ông Hoàng xác định ông chỉ là người được Công ty P thuê làm bảo vệ và xác định không liên quan đến nội dung vụ án, đối chiếu với nội dung ông Hoàng kháng cáo (BL 405) thì quyền và lợi ích của ông Hoàng không bị xâm phạm nên không có căn cứ để giải quyết yêu cầu kháng cáo của ông.

[2.3] Nguyên đơn bà Đỗ Thị L yêu cầu tuyên bố Biên bản bàn giao ngày 09/8/2017 giữa ông Trần Tấn M với Công ty TNHH MTV P vô hiệu.

Như đã nhận định tại các mục [2.2] và mục [2.3], người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần dịch vụ hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất khẳng định, Công ty cổ phần dịch vụ hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất không ủy quyền cho bất kỳ một cơ quan, tổ chức, cá nhân nào thực hiện việc thu hồi và đền bù đối với 1.369 cây cao su trồng trên tổng diện tích đất 43.007,6m^2 nói trên và chưa có kế hoạch thu hồi cụ thể. Công ty TNHH MTV P ghi nhận trong Biên bản bàn giao ngày 09/8/2017, người đại diện là ông Nguyễn Hữu Hiền – Phó giám đốc là đơn vị được Công ty SASCO ủy quyền là không có căn cứ.

Mặt khác, theo hợp đồng dịch vụ số 148-HĐ/TCTCHKVN-SACO ngày 21/4/2014 thì Công ty cổ phần dịch vụ hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất là đơn vị cần tư vấn và Công ty TNHH MTV P là Công ty tư vấn cho Công ty cổ phần dịch vụ hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất về đánh giá chất lượng chăm sóc vườn cây cao su trong năm 2013, thời hạn đến hết ngày 31/5/2014. Trong Biên bản bàn giao ngày 09/8/2017, xác định Công ty TNHH MTV P được Công ty SASCO ủy quyền nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh. Biên bản bàn giao ngày 09/8/2017 cũng không xác định cụ thể số lượng cây cao su được ủy quyền bàn giao, tại thời điểm các bên xác lập biên bản bàn giao thì 1.369 cây cao su trồng trên tổng diện tích đất 43.006,6m^2 nói trên đang do bà L quản lý.

Việc các bên thực hiện công việc bàn giao không có sự ủy quyền của Công ty cổ phần dịch vụ hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất và bà Đỗ Thị L đã vi phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người thứ ba (Công ty cổ phần dịch vụ hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất và bà Đỗ Thị L), không tuân thủ quy định của pháp luật về quyền sử dụng, quyền sử dụng không phải là người chủ sở hữu, Hợp đồng ủy quyền được quy định tại các Điều 189, Điều 191 và 562 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, bà Đỗ Thị L yêu cầu tuyên bố Biên bản bàn giao ngày 09/8/2017 được xác lập giữa ông Trần Tấn M và Công ty TNHH MTV P vô hiệu là có căn cứ nên được chấp nhận.

Đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH MTV P cho rằng Biên bản bàn giao ngày 09/8/2017 giữa ông Trần Tấn M với Công ty TNHH MTV P phù hợp với quy định của pháp luật là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2.4] Mặt khác, tại cấp phúc thẩm đại diện ủy quyền của những người thừa kế tố tụng của ông Trần Tấn M không có ý kiến gì về việc giải quyết nội dung vụ án chỉ đề nghị Hội đồng xét xử tách các mối quan hệ giữa ông Trần Tấn M với bà Đỗ Thị L, giữa ông Trần Tấn M với Công ty P giải quyết thành vụ kiện khác khi các bên có yêu cầu, thấy rằng: Yêu cầu của đại diện ủy quyền của những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Tấn M là có căn cứ, bởi lẽ: Hợp đồng liên doanh trồng cây cao su ngày 27/10/2011 đối với 02 phần diện tích đất nói trên giữa ông M với bà L tuy các bên có xảy ra tranh chấp nhưng chưa được giải quyết triệt để (Thanh lý hợp đồng); quan hệ giữa ông M với Công ty P cũng chưa được xác định rõ ràng về các khoản nợ, do đó tại mục 5 của phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên là chưa chính xác cần sửa cách tuyên cho phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án.

[3] Từ những phân tích và nhận định trên, HĐXX xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Ma Khánh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHHMTV Phát Lộc không được HĐXX chấp nhận. Cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ. Chỉ sửa cách tuyên như đã nhận định tại mục [2.4].

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn ông Ma Khánh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHHMTV Phát Lộc không được chấp nhận nên phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận

[7] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Ma Khánh H;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHHMTV Phát Lộc;

Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước về cách tuyên.

Áp dụng các Điều 116, 123, 131, 133, 189, 191, 562 và 563 của Bộ luật dân sự;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Đức L.

- Tạm giao cho bà Đỗ Thị L và ông Trần Đức L được tạm thời quản lý, sử dụng và khai thác mủ của 796 cây cao su, trồng năm 2009, trên phần diện tích đất 15.755,2m^2, tọa lạc tại ấp T, xã Tân L, huyện Đ, tỉnh Bình Phước, vị trí đất được xác định: phía đông giáp đất ông Trần Đức L, phía tây giáp suối, phía nam giáp suối, phía bắc giáp suối + đất ông Đắc (Thuộc khoảnh 11, tiểu khu 363, Ban quản lý rừng kinh tế Suối Nhung).

- Tạm giao cho bà Đỗ Thị L và ông Trần Đức L được tạm thời quản lý, sử dụng và khai thác mủ của 600 cây cao su, trồng năm 2009 trên phần diện tích đất 27.251,4m^2, tọa lạc tại ấp T, xã Tân L, huyện Đ, tỉnh Bình Phước, vị trí đất được xác định: phía đông, phía tây, phía bắc giáp Suối, phía nam giáp đất ông Đức (Thuộc khoảnh 11, tiểu khu 363, Ban quản lý rừng kinh tế Suối Nhung).

- Khi nào có Quyết định thu hồi của cơ quan chức năng, bà Đỗ Thị L và ông Trần Đức L có nghĩa vụ giao trả cây cao su nói trên theo quy định.

- Tuyên bố Giấy ủy quyền được xác lập ngày 13/6/2017 giữa ông Trần Tấn M và ông Ma Khánh H là vô hiệu.

- Tuyên bố Biên bản bàn giao được xác lập ngày 09/8/2017 giữa Công ty TNHH MTV P và ông Trần Tấn M là vô hiệu.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị L và ông Trần Đức L về việc:

- Yêu cầu buộc ông Ma Khánh H chấm dứt hành vi đưa người đến để khai thác mủ cao su trái phép và cản trở việc quản lý, khai thác cao su của gia đình bà L tại phần diện tích đất 4.4 ha thuộc khoảnh 11, tiểu khu 363, Ban quản lý rừng kinh tế Suối Nhung;

- Yêu cầu buộc ông Ma Khánh H chấm dứt hành vi hủy hoại tài sản là các dụng cụ khai thác cao su, mủ cao su thuộc khoảnh 11, tiểu khu 363, Ban quản lý rừng kinh tế Suối Nhung;

- Yêu cầu buộc ông Ma Khánh H bồi thường cho gia đình bà L số tiền 150.000.000đồng do ông Ma Khánh H có hành vi làm thiệt hại tài sản của gia đình bà L.

3. Bác yêu cầu của Công ty TNHH MTV P về việc không đồng ý yêu cầu xin rút một phần khởi kiện của bà Đỗ Thị L và ông Trần Đức L.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV P về việc xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đề ngày 29 tháng 5 năm 2020.

5. Công ty cổ phần dịch vụ hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất, Hạt Kiểm Lâm huyện Đ, Ủy ban nhân dân huyện Đ, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước,

ông Ma Khánh H, ông Hoàng Văn S, ông Phạm Thanh H không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Các ông (bà) Bùi Thị Hồng V, Trần Hoàng Anh Th, Trần Hoàng Hải Y, Trần Hoàng Hồng D, Trần Hoài T (Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Tấn M) có quyền khởi kiện đối với quan hệ giữa ông Trần Tấn M với bà Đỗ Thị L, giữa ông Trần Tấn M với Công ty P giải quyết thành vụ kiện khác khi các bên có yêu cầu.

6. Không xem xét, giải quyết việc chi trả tiền hỗ trợ, đền bù cây cao su cho ông Hoàng Văn S, ông Phạm Thanh H.

7. Về chi phí tố tụng khác (Đo đạc, xem xét, thẩm định giá tài sản): Các bên đương sự không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

8.Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đỗ Thị L và ông Trần Đức L không phải nộp. Hoàn trả lại cho bà Đỗ Thị L số tiền 4.050.000 đồng (bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án quyển số 0086, số 0004279 ngày 31 tháng 8 năm 2020 và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án quyển số 0228, số 0011396 ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Công ty TNHH MTV P phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án quyển số 0084, số 0004165 ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

9. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Ma Khánh H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0019029, ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV P phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0019028, ngày 10 tháng 11năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

10. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Cổng thông tin điện tử Toà án nhân dân tối cao;
- Lưu HS, TDS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Viết Hùng